

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8  
NAM

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 469/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Anh Quân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Thái Thục Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 798/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ đăng ký thường trú: Tổ D, khu phố C, Phường X, Thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ tạm trú: Số B đường D, Phường R, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.  
(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Huỳnh Tấn T1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số A đường D, Phường R, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà và ông Huỳnh Tấn T1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2013, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/5/2013.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do quan điểm sống khác biệt, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xác nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Tấn T1.

Về con chung: Có 01 con chung là Huỳnh Lê Công D (sinh ngày 27/4/2016). Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo A, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Huỳnh Tấn T1 vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa nên Tòa án không thu thập được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Đối với bị đơn là chưa tuân thủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Tấn T1, giao con chung cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Huỳnh Tấn T1, hiện ông T1 đang cư trú tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị T thuộc tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Huỳnh Tấn T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T và ông T1 là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị T và ông Huỳnh Tấn T1 chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/5/2013 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Lê Thị T đề nghị được ly hôn với ông Huỳnh Tấn T1 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng đã phát sinh từ lâu, không thể gần gũi được, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Đối với ông T1, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa tự khai, tham gia hòa giải đoàn tụ gia đình, tham gia phiên tòa xét xử để trình bày ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân với bà T, điều đó chứng tỏ ông T1 không còn quan tâm hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng đời sống hôn nhân giữa bà T và ông T1 không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T với ông T1 là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3.2]. Về con chung:

Bà Lê Thị T và ông Huỳnh Tấn T1 có 01 con chung là Huỳnh Lê Công D (sinh ngày 27/4/2016). Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo A, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến nhưng vắng mặt không lý do, việc giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ, do đó xét thấy yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Huỳnh Tấn T1 do bà Lê Thị T chưa có yêu cầu.

[3.3]. Về tài sản chung: Bà Lê Thị T xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4]. Về nợ chung: Bà Lê Thị T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Tấn T1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2013, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/5/2013 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Huỳnh Tấn T1 có 01 con chung là Huỳnh Lê Công D (sinh ngày 27/4/2016).

Giao con chung là Huỳnh Lê Công D (sinh ngày 27/4/2016) cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Huỳnh Tấn T1 cho đến khi bà Lê Thị T có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị T xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0030696 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THA DS Q.8;
- UBND P.17-Q.Bình Thạnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu VP, hồ sơ.

## **Lê Anh Quân**

17, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/5/2013 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Huỳnh Tấn T1 có 01 con chung là Huỳnh Lê Công D (sinh ngày 27/4/2016).

Giao con chung là Huỳnh Lê Công D (sinh ngày 27/4/2016) cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Huỳnh Tấn T1 cho đến khi bà Lê Thị T có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị T xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

### **2. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0030696 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**